

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGHĨA ĐÀN  
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số 42/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương*

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Huệ và ông Phan Sỹ Hùng*

**- Thư ký phiên tòa:** bà Hoàng Thị Lan

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn** tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 137/2024/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 về yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/QĐST- HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** anh Cao Đức L, sinh năm 1990.

Nơi ĐKKHKT: xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

**2. Bị đơn:** chị Cao Thị T, sinh năm 1992.

Nơi ĐKKHKT: xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Cao Đức L trình bày:*

Về hôn nhân: anh và chị Cao Thị T kết hôn với nhau vào ngày 20 tháng 5 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình không hợp nhau,

không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, không còn tình cảm với nhau nữa nên anh **L** yêu cầu được ly hôn với chị **Cao Thị T**.

Về con chung: anh và chị **Cao Thị T** có một con chung là **Cao Trà M**, sinh ngày 07 tháng 09 năm 2015. Ly hôn anh **L** nhường quyền trực tiếp nuôi con cho chị **Cao Thị T**

Về tài sản chung, nợ chung: anh **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn là chị **Cao Thị T**:*

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho chị **T** biết đồng thời tổng đạt các tài liệu, giấy triệu tập hợp lệ cho chị **T** nhưng chị **T** không có mặt để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến xác minh và hành niêm yết các tài liệu, chứng cứ tại địa phương nơi chị **T** cư trú theo đúng quy định tại điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Tòa án đã thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.  
- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án: Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại điều 51, điều 236, điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật

- Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Cao Đức L** là cho ly hôn với chị **Cao Thị T**; Việc nuôi con: đề nghị hội đồng xét xử giao con chung là **Cao Trà M**, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2015 cho chị **T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **L** do không có yêu cầu; Về án phí: Nguyên đơn anh **Cao Đức L** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh **Cao Đức L** có nơi cư trú tại **xóm T - xã N- huyện N- tỉnh Nghệ An** yêu cầu ly hôn với chị **Cao Thị T** là bị đơn có nơi cư trú tại **xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An** do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Bị đơn chị **Cao Thị T** có hộ khẩu thường trú tại **xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An**, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho

chị **T** biết đồng thời tổng đạt các tài liệu, giấy triệu tập hợp lệ cho chị **T**. Quá trình xác minh thì được biết chị **T** biết việc anh **L** yêu cầu ly hôn nhưng không có ý kiến gì. Toà án đã tiến hành niêm yết các tài liệu, giấy triệu tập và các chứng cứ tại địa phương nơi chị **T** cư trú theo đúng quy định tại điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung

2.1. Về quan hệ hôn nhân: anh **Cao Đức L** và chị **Cao Thị T** kết hôn với nhau vào ngày 20 tháng 5 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã **N**, huyện **N**, tỉnh **Nghệ An**. Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm giữa anh **L** và chị **T** không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh **Cao Đức L**.

2.2. Về con chung: anh **Cao Đức L** và chị **Cao Thị T** có một con chung là **Cao Trà M**, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2015. Quá trình anh **L** và chị **T** sống ly thân thì chị **T** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên anh **L** nhường quyền trực tiếp nuôi con cho chị **T**, để đảm bảo quyền lợi cho con chung, hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung là **Cao Trà M** cho chị **T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành là phù hợp.

2.3. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **L** do không có yêu cầu.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung: anh **Cao Đức L** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn anh **Cao Đức L** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; điểm b khoản 2 điều 227, điểm b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56; điều 58, điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Cao Đức L**.

1. Về hôn nhân: Cho anh **Cao Đức L** ly hôn với chị **Cao Thị T**.

2. Việc nuôi con: Giao con chung là **Cao Trà M**, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2015 cho chị **T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **L** do không có yêu cầu.

Anh **L** có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng theo quy định của pháp luật thì có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án anh **Cao Đức L** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí anh **L** đã nộp tại biên lai thu tiền số 0012355 ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Đàn.

4. Nguyên đơn anh **Cao Đức L** có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh **Cao Đức L** có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND h. Nghĩa Đàn
- Chi cục THADS h. Nghĩa Đàn
- TAND tỉnh Nghệ An
- UBND xã Nghĩa L (nơi ĐKKH)
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu Hương**

